

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
1	020001	Đỗ Thị Thanh	An	05/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.20	8.00	20.95	
2	020002	Dương Bình	An	09/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.40	5.75	14.40	
3	020003	Hồ Duy	An	26/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	7.00	17.50	
4	020004	Lê Phạm Dương	An	15/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.00	8.25	20.50	
5	020005	Lê Tuấn	An	27/08/2010	Nam	Kinh	T.P Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.00	8.75	21.25	
6	020006	Nguyễn Lâm	An	12/11/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	1.60	3.00	10.10	
7	020007	Nguyễn Thế	An	19/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.60	5.00	14.35	
8	020008	Nguyễn Thị Thúy	An	25/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.20	8.50	20.45	
9	020009	Phan Mỹ	An	17/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.00	5.50	13.75	
10	020010	Trần Gia	An	23/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	2.40	3.75	10.15	
11	020011	Cao Hoàng Thiên	Ấn	05/11/2010	Nữ	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	7.75	18.75	
12	020012	Phan Nguyễn Hoàng	Ấn	12/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.20	7.50	21.70	
13	020013	Bùi Nhật Kim	Anh	10/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.20	7.75	19.45	
14	020014	Đình Vũ Tuấn	Anh	16/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	4.25	13.30	
15	020015	Hà Phương	Anh	16/10/2010	Nữ	Kinh	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	0	0	5.00	1.80	6.75	13.55	
16	020016	Hồ Nguyễn Phương	Anh	01/05/2010	Nữ	Kinh	Xóm 22	0	0	7.75	8.80	9.00	25.55	
17	020017	Hồ Thị Kim	Anh	23/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.60	9.00	24.35	
18	020018	Hoàng Bảo	Anh	13/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.60	8.25	23.60	
19	020019	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	13/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.60	7.00	15.85	
20	020020	Huỳnh Thị Phương	Anh	09/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	3.00	7.00	17.75	
21	020021	Ngô Quỳnh	Anh	03/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.60	8.00	21.85	
22	020022	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	26/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.20	4.75	17.70	
23	020023	Nguyễn Thái Lan	Anh	09/01/2010	Nữ	Kinh	Tân Hiệp, Kiên Giang	0	0	8.50	4.00	8.00	20.50	
24	020024	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	0	0	7.75	5.20	6.50	19.45	
25	020025	Trương Quỳnh	Anh	06/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	8.00	19.65	
26	020026	Đỗ Trần Ngọc	Ấn	09/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.40	8.00	20.65	
27	020027	Lê Thị	Ấn	27/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.40	7.50	16.65	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
28	020028	Lê Thị Hồng	Ánh	14/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.00	6.25	16.00	
29	020029	Nguyễn Ngọc	Ánh	02/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.00	8.50	23.50	
30	020030	Trần Thị Ngọc	Ánh	02/08/2010	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	0	0	6.25	2.00	5.75	14.00	
31	020031	Bùi Tổ	Băng	18/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	8.20	8.00	23.70	
32	020032	Bùi Thái	Bảo	24/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	5.75	14.10	
33	020033	Dương Gia	Bảo	24/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	6.00	11.20	
34	020034	Hồ Gia	Bảo	18/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	2.25	8.45	
35	020035	Hồ Văn	Bảo	16/11/2010	Nam	Kinh	Nghi Lộc, Nghệ An	0	0	7.00	5.40	8.00	20.40	
36	020036	Lê Hoàng Gia	Bảo	23/02/2010	Nam	Kinh	Tháp Mười, Đồng Tháp	0	0	5.75	2.40	4.75	12.90	
37	020037	Lê Hoàng Gia	Bảo	18/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	5.20	8.00	21.20	
38	020038	Ngô Gia	Bảo	23/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	5.75	13.75	
39	020039	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	08/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
40	020040	Nguyễn Lê Quốc	Bảo	04/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	2.60	6.75	15.35	
41	020041	Phan Bùi Quốc	Bảo	07/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	7.25	19.30	
42	020042	Phan Gia	Bảo	12/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	6.50	17.65	
43	020043	Trương Hoàng Gia	Bảo	30/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.60	7.75	19.10	
44	020044	Trương Tấn	Bảo	10/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	8.00	18.45	
45	020045	Ngô Ngọc	Bích	22/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	9.00	9.00	9.00	27.00	
46	020046	Huỳnh Thanh	Bình	10/09/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	6.50	14.45	
47	020047	Lê Văn	Bình	02/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	2.40	7.25	16.15	
48	020048	Lưu Đức	Bình	31/07/2010	Nam	Kinh	Văn Yên, Yên Bái	0	0	6.75	2.40	6.25	15.40	
49	020049	Mai Ngọc	Bình	05/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	3.80	6.00	17.05	
50	020050	Dương Văn Công	Chánh	29/09/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	6.25	14.25	
51	020051	Nguyễn Thanh Minh	Châu	18/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	6.25	15.20	
52	020052	Nguyễn Vũ Yến	Chi	24/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	8.60	8.25	25.35	
53	020053	Phan Quỳnh	Chi	28/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	4.00	14.40	
54	020054	Trần Ngọc Kim	Chi	31/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	7.80	9.00	24.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
55	020055	Phạm Huỳnh Quốc	Chiến	25/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.75	4.20	4.50	11.45	
56	020056	Võ Hoàng	Chiêu	14/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.40	7.25	16.40	
57	020057	Nguyễn Bùi Trung	Chính	04/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	5.00	12.10	
58	020058	Nguyễn Trương Trung	Chính	23/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	5.00	9.00	20.50	
59	020059	Lê Văn	Công	11/12/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	5.80	4.50	15.05	
60	020060	Nguyễn Thành	Công	13/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	4.40	4.00	12.65	
61	020061	Nguyễn Duy	Cường	30/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	8.40	9.00	23.90	
62	020062	Nguyễn Hữu	Cường	05/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.25	3.20	4.25	10.70	
63	020063	Phạm Ngọc	Cường	29/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.50	22.75	
64	020064	Võ Trương Duy	Cường	23/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	6.60	8.25	22.60	
65	020065	Lê Ngọc Anh	Đại	26/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	1.25	2.40	0.50	4.15	
66	020066	Trần Lê Anh	Dân	07/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	3.00	7.50	18.00	
67	020067	Nguyễn Vũ	Đan	01/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	4.75	12.80	
68	020068	Trần Kim	Đan	25/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.00	6.75	16.50	
69	020069	Hồ Trần Minh	Đăng	03/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.75	2.20	0.75	7.70	
70	020070	Nguyễn Duy	Đăng	25/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	6.00	14.15	
71	020071	Nguyễn Phú	Đăng	24/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	6.80	7.25	20.80	
72	020072	Bùi Công	Danh	27/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	4.00	3.50	12.50	
73	020073	Nguyễn Nhật Hoàng	Danh	11/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.40	7.75	18.15	
74	020074	Nguyễn Trần Thành	Danh	07/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	6.80	5.25	16.30	
75	020075	Phạm Trần Thành	Danh	08/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	5.50	14.50	
76	020076	Phan Thành	Danh	13/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	8.00	18.60	
77	020077	Võ Thành	Danh	05/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	4.25	2.60	6.00	13.85	
78	020078	Dương Văn Công	Đạo	02/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	0.60	5.00	9.85	
79	020079	Nguyễn Trần Trung	Đạo	21/10/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	6.00	4.00	4.75	14.75	
80	020080	Đặng Quốc	Đạt	21/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	9.20	8.75	25.95	
81	020081	Đỗ Thành	Đạt	03/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.80	7.50	16.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
82	020082	Lê Minh	Đạt	02/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	4.50	13.45	
83	020083	Lê Trọng	Đạt	25/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	4.00	4.25	13.00	
84	020084	Mai Nguyễn Tiến	Đạt	21/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.20	8.75	24.95	
85	020085	Nguyễn Ngô Quốc	Đạt	05/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	2.20	6.25	15.45	
86	020086	Nguyễn Tấn	Đạt	16/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	6.00	16.65	
87	020087	Nguyễn Trung	Đạt	05/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	7.40	8.75	21.90	
88	020088	Phùng Minh	Đạt	08/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.00	5.50	12.75	
89	020089	Trần Tấn	Đạt	15/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	3.40	5.00	12.90	
90	020090	Trần Tiến	Đạt	15/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	3.60	3.50	11.10	
91	020091	Nguyễn Phạm Kiều	Diễm	09/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.00	8.00	16.50	
92	020092	Trần Thị Thúy	Diễm	31/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.00	8.25	18.50	
93	020093	Trương Lê Ngọc	Diễm	27/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	5.20	7.00	19.45	
94	020094	Lương Trương Hồng	Diệp	20/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	8.00	21.35	
95	020095	Biều Nhã Huyền	Diệu	16/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	4.50	13.45	
96	020096	Mai Xuân	Diệu	02/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.80	8.50	18.30	
97	020097	Nguyễn Thị Mỹ	Diệu	07/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	8.40	8.50	23.65	
98	020098	Huỳnh Lê Công	Định	07/03/2010	Nam	Kinh	Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	0	0	7.00	5.20	7.50	19.70	
99	020099	Mai Thị	Định	27/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	6.40	7.00	21.65	
100	020100	Nguyễn Thanh	Đô	10/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	7.80	8.75	23.05	
101	020101	Phạm Thiên	Độ	19/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.00	7.50	17.50	
102	020102	Nguyễn Thị Thanh	Đoan	03/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	7.75	17.70	
103	020103	Trần Ngọc Văn	Doanh	17/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	7.80	8.25	24.55	
104	020104	Nguyễn Thanh	Đón	02/09/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	4.50	12.55	
105	020105	Tạ Huỳnh Hữu	Đông	22/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.20	6.50	13.70	
106	020106	Đỗ Nguyễn Trí	Đức	19/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	2.40	4.00	10.15	
107	020107	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	15/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	3.25	11.60	
108	020108	Phan Tấn	Dũng	18/11/2010	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	7.25	7.00	8.50	22.75	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
109	020109	Trần Lâm Thùy	Dương	10/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.00	8.00	20.00	
110	020110	Cao Hoàng	Duy	24/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	3.50	11.40	
111	020111	Hồ Hữu	Duy	22/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	2.25	3.20	4.00	9.45	
112	020112	Lê Hữu	Duy	03/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	6.60	9.00	23.85	
113	020113	Lê Như Quang	Duy	17/08/2010	Nam	Kinh	Quận 5, TP Hồ Chí Minh	0	0	7.25	7.00	8.00	22.25	
114	020114	Lê Văn	Duy	25/11/2009	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	4.75	1.40	3.75	9.90	
115	020115	Ngô Thanh	Duy	17/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	1.60	5.75	13.35	
116	020116	Nguyễn Đức	Duy	21/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	8.00	18.70	
117	020117	Nguyễn Trường	Duy	10/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.80	8.00	20.80	
118	020118	Võ Nguyễn Anh	Duy	28/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	7.50	19.30	
119	020119	Bùi Thị Thanh	Duyên	13/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	4.75	12.65	
120	020120	Lê Thị Tường	Duyên	24/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.60	2.25	11.35	
121	020121	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	29/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	7.75	19.05	
122	020122	Phạm Trương Mỹ	Duyên	15/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	9.20	8.25	24.45	
123	020123	Phan Nguyễn Hoàng	Gia	18/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	4.80	9.00	21.30	
124	020124	Nguyễn Hồ Quỳnh	Giang	12/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	4.40	8.25	17.65	
125	020125	Mai Ngọc Như	Hà	17/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	7.50	19.85	
126	020126	Phan Thị Thanh	Hà	15/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	9.00	6.25	23.25	
127	020127	Lê Nguyễn Hoàng	Hải	24/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	0.50	5.20	3.75	9.45	
128	020128	Nguyễn Minh	Hải	06/11/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	3.75	3.20	6.25	13.20	
129	020129	Trần Ngọc Hoàng	Hải	13/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.00	6.00	14.25	
130	020130	Hồ Thị Gia	Hân	14/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	7.50	17.20	
131	020131	Lê Hoàng Gia	Hân	30/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	6.40	7.00	21.15	
132	020132	Lê Ngô Ngọc	Hân	09/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	7.00	8.00	21.50	
133	020133	Lương Thị Kim	Hân	07/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.00	3.50	12.00	
134	020134	Minh Ngọc Bảo	Hân	23/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	6.50	16.00	
135	020135	Nguyễn Gia	Hân	03/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.20	8.00	21.45	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
136	020136	Nguyễn Lâm Gia	Hân	28/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	2.00	4.00	10.25	
137	020137	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	30/09/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.00	4.00	7.75	18.75	
138	020138	Nguyễn Ngọc Như	Hân	17/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	5.25	12.70	
139	020139	Nguyễn Trần Thanh	Hân	26/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	6.40	8.75	23.40	
140	020140	Phan Nguyễn Bảo	Hân	20/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.80	6.50	18.80	
141	020141	Lê Thị Mỹ	Hằng	04/03/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	8.00	21.35	
142	020142	Nguyễn Ngọc	Hằng	26/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	1.60	5.50	12.85	
143	020143	Nguyễn Thị Kim	Hằng	03/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	7.75	19.35	
144	020144	Nguyễn Xuân	Hằng	24/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	8.60	8.00	24.60	
145	020145	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	22/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.20	5.50	16.20	
146	020146	Phạm	Hào	05/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	1.80	0.75	6.80	
147	020147	Thôi Anh	Hào	08/04/2010	Nam	Hoa	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	7.75	8.00	8.75	25.50	
148	020148	Trần Hữu	Hào	12/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.75	0.20	3.00	6.95	
149	020149	Nguyễn Thị Bích	Hảo	30/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	4.80	8.00	18.80	
150	020150	Trần Ngọc Tố	Hảo	20/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	6.40	8.25	22.40	
151	020151	Trương Minh	Hạo	02/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	8.40	7.25	21.40	
152	020152	Đào Nhân	Hậu	29/04/2010	Nam	Kinh	Long Khánh, Đồng Nai	0	0	6.25	2.60	6.75	15.60	
153	020153	Nguyễn Lê Công	Hậu	08/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.00	8.00	17.25	
154	020154	Nguyễn Lục Trung	Hậu	16/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.00	8.50	22.00	
155	020155	Nguyễn Quốc	Hậu	15/03/2010	Nam	Kinh	Thốt Nốt, Cần Thơ	0	0	4.50	2.80	3.50	10.80	
156	020156	Nguyễn Thị Minh	Hậu	23/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.20	8.75	22.20	
157	020157	Trần Minh	Hậu	05/08/2010	Nữ	Kinh	Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	6.25	4.60	7.00	17.85	
158	020158	Võ Đức	Hậu	12/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.60	8.25	20.35	
159	020159	Huỳnh Lê Kim	Hiền	10/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	8.60	8.25	24.35	
160	020160	Lê Ngọc Bảo	Hiền	09/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	4.80	8.75	21.30	
161	020161	Nguyễn Đặng Thanh	Hiền	23/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.20	7.25	20.70	
162	020162	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	20/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	6.25	16.15	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
163	020163	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	31/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	8.00	19.45	
164	020164	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	3.20	4.00	13.70	
165	020165	Nguyễn Thị Thu	Hiền	23/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	4.50	11.90	
166	020166	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.80	8.50	23.05	
167	020167	Trần Thị Kim	Hiền	21/08/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.25	3.60	5.00	11.85	
168	020168	Huỳnh Trương Ngọc	Hiệp	31/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.60	8.50	21.85	
169	020169	Nguyễn Phúc	Hiệp	03/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.00	8.00	20.50	
170	020170	Nguyễn Võ Hoàng	Hiệp	21/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.40	8.75	18.65	
171	020171	Hồ Nhựt	Hiếu	06/09/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.50	2.00	0.50	5.00	
172	020172	Lâm Bảo	Hiếu	31/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	3.20	5.00	13.45	
173	020173	Nguyễn Phạm Phương	Hiếu	10/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.75	20.80	
174	020174	Nguyễn Phi	Hiếu	07/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	8.00	18.10	
175	020175	Nguyễn Trung	Hiếu	27/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.00	8.50	23.25	
176	020176	Nguyễn Văn	Hiếu	13/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	1.60	2.25	7.35	
177	020177	Trần Trọng	Hiếu	19/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
178	020178	Phạm Trần Hiệu	Hiệu	06/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	8.00	19.25	
179	020179	Trần Thị Thanh	Hoa	03/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	6.50	3.40	4.50	15.40	
180	020180	Huỳnh Quảng	Hòa	26/04/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	0	0	4.75	4.80	4.00	13.55	
181	020181	Lê Thị Ngọc	Hòa	07/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.50	24.10	
182	020182	Nguyễn Văn	Hòa	09/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.60	6.50	13.10	
183	020183	Phạm Thị Ánh	Hòa	24/02/2009	Nữ	Kinh	Tân Hiệp, Kiên Giang	0	0	7.50	5.60	7.50	20.60	
184	020184	Nguyễn Ánh	Hoài	28/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	9.40	9.00	25.90	
185	020185	Phạm Khải	Hoàn	25/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.80	8.25	23.55	
186	020186	Lê Kim	Hoàng	24/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.50	3.60	3.50	9.60	
187	020187	Lê Thanh	Hoàng	11/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.00	4.75	12.00	
188	020188	Nguyễn Huy	Hoàng	17/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	8.00	16.80	
189	020189	Nguyễn Quốc	Hoàng	05/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	7.20	6.50	20.45	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
190	020190	Trần Huy	Hoàng	11/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	3.60	2.00	9.60	
191	020191	Trần Mỹ Kim	Hoàng	25/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	1.80	6.00	13.05	
192	020192	Nguyễn Lê Kim	Huê	07/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.00	6.25	14.00	
193	020193	Trần Thị Thu	Huê	16/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	8.00	21.20	
194	020194	Châu Nguyễn Phi	Hùng	10/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.20	7.50	20.20	
195	020195	Ngô Tuấn	Hùng	10/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	0.25	2.20	0.25	2.70	
196	020196	Nguyễn Phi	Hùng	23/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.50	21.20	
197	020197	Nguyễn Thế	Hùng	02/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	4.00	12.45	
198	020198	Trần Sĩ	Hùng	29/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	7.40	8.25	21.90	
199	020199	Trần Văn	Hùng	01/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.00	6.50	14.50	
200	020200	Huỳnh Phát	Hưng	21/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.25	3.00	0.50	5.75	
201	020201	Lê Phú	Hưng	13/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	3.40	5.25	14.15	
202	020202	Nguyễn Khánh	Hưng	12/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	5.20	8.25	18.70	
203	020203	Nguyễn Phước Gia	Hưng	26/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.20	4.00	11.45	
204	020204	Nguyễn Tấn	Hưng	02/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.60	9.00	19.85	
205	020205	Nguyễn Văn Phú	Hưng	22/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.60	8.75	21.85	
206	020206	Phan Lê Phúc	Hưng	01/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	5.40	8.25	21.15	
207	020207	Nguyễn Nhật Kim	Hương	12/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	8.25	18.90	
208	020208	Đình Quang	Huy	28/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.25	1.60	4.50	8.35	
209	020209	Đỗ Chí	Huy	18/08/2010	Nam	Kinh	Đồng Tháp	0	0	6.25	9.00	9.00	24.25	
210	020210	Đỗ Võ Nhật	Huy	28/02/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	3.60	4.50	12.60	
211	020211	Hồ Hữu	Huy	05/06/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	4.00	6.50	15.25	
212	020212	Lê Vũ Hoàng	Huy	22/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	9.00	23.40	
213	020213	Nguyễn Đình	Huy	25/05/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.40	7.25	15.90	
214	020214	Nguyễn Phạm Khánh	Huy	23/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	3.80	7.00	15.05	
215	020215	Nguyễn Phúc	Huy	31/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.60	6.00	15.10	
216	020216	Nguyễn Phước	Huy	23/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.80	6.00	16.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
217	020217	Nguyễn Tuấn	Huy	23/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.50	21.20	
218	020218	Phạm Gia	Huy	19/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.20	8.00	20.70	
219	020219	Trần Thị Kim Thê	Huy	15/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.40	6.25	16.40	
220	020220	Võ Minh	Huy	27/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	5.20	7.00	16.95	
221	020221	Đỗ Ngọc	Huyền	23/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	8.00	18.20	
222	020222	Dương Lê Bích	Huyền	14/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	8.00	21.00	
223	020223	Nguyễn Bích	Huyền	12/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	6.40	5.25	17.15	
224	020224	Nguyễn Ngọc Mỹ	Huyền	04/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	8.50	20.85	
225	020225	Trần Thị Ngọc	Huyền	14/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.60	8.50	22.60	
226	020226	Lưu Thuần	Hỷ	01/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	8.50	23.45	
227	020227	Bùi Minh	Kha	13/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	2.60	1.75	11.10	
228	020228	Cao Quốc	Kha	24/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.20	6.25	15.70	
229	020229	Phạm Đỗ Anh	Kha	03/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	4.75	13.30	
230	020230	Phạm Trọng	Kha	20/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.20	8.50	20.45	
231	020231	Bùi Chí	Khải	05/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	5.75	13.20	
232	020232	Nguyễn Việt	Khải	13/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.00	5.25	12.50	
233	020233	Bùi Trần Hoàng	Khang	12/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.00	8.50	22.25	
234	020234	Đặng Nguyễn Gia	Khang	27/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	6.25	16.55	
235	020235	Diệp Phạm Bảo	Khang	01/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	3.40	1.25	9.40	
236	020236	Đỗ Gia	Khang	15/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	8.00	20.55	
237	020237	Đỗ Nguyên	Khang	05/02/2009	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	5.25	3.00	6.00	14.25	
238	020238	Huỳnh Tuấn	Khang	01/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	4.50	14.35	
239	020239	Lê Tuấn	Khang	22/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	7.50	18.15	
240	020240	Ngô Hữu	Khang	14/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	5.40	7.00	18.15	
241	020241	Nguyễn Huỳnh Gia	Khang	12/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.08	6.00	7.75	20.83	
242	020242	Nguyễn Lê Minh	Khang	07/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.50	1.00	3.00	6.50	
243	020243	Nguyễn Lương Trọng	Khang	07/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.75	2.00	4.00	8.75	

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
244	020244	Nguyễn Minh	Khang	03/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	1.20	6.75	13.20	
245	020245	Nguyễn Nguyên	Khang	22/06/2010	Nam	Kinh	T.P Hồ Chí Minh	0	0	6.25	7.40	8.25	21.90	
246	020246	Nguyễn Trọng	Khang	10/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	1.80	7.50	14.80	
247	020247	Nguyễn Văn	Khang	01/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	1.80	5.25	13.05	
248	020248	Ong Văn	Khang	18/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	1.60	5.00	10.60	
249	020249	Phạm Minh	Khang	22/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	2.20	8.25	15.95	
250	020250	Trần Bảo	Khang	10/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	4.25	9.45	
251	020251	Trần Gia	Khang	23/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	1.20	4.00	9.95	
252	020252	Trần Lê Duy	Khang	08/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	8.00	8.25	24.75	
253	020253	Trần Nguyễn Trọng	Khang	14/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	9.40	8.00	23.90	
254	020254	Trương Triệu Quốc	Khang	10/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.60	8.25	20.60	
255	020255	Từ Nguyễn Gia	Khang	11/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	8.20	8.75	23.70	
256	020256	Bùi Thị Kim	Khánh	08/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.20	8.50	21.45	
257	020257	Nguyễn Ngọc Xuân	Khánh	05/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	7.60	7.75	22.35	
258	020258	Nguyễn Phúc	Khánh	27/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	4.00	4.50	13.50	
259	020259	Nguyễn Quốc	Khánh	09/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.60	8.00	18.60	
260	020260	Trần Huỳnh Quốc	Khánh	02/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.40	7.25	15.90	
261	020261	Võ Ngân	Khánh	27/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	7.00	8.25	23.00	
262	020262	Hồ Gia	Khiêm	01/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.60	8.25	20.85	
263	020263	Phạm Đăng	Khiêm	19/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.80	8.00	21.80	
264	020264	Phan Bá	Khiêm	12/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	6.00	16.05	
265	020265	Trần Vĩnh	Khiêm	04/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	1.80	6.75	15.05	
266	020266	Đặng Nguyễn Anh	Khoa	12/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	5.60	8.00	20.10	
267	020267	Hồ Hoàng Đăng	Khoa	08/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	9.60	9.00	26.85	
268	020268	Huỳnh Đăng	Khoa	16/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.00	22.25	
269	020269	Huỳnh Nhất	Khoa	01/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	1.60	7.00	12.85	
270	020270	Huỳnh Văn Anh	Khoa	09/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	1.75	3.20	3.25	8.20	

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
271	020271	Lê Anh	Khoa	13/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.50	15.45	
272	020272	Nguyễn Hồ Đăng	Khoa	10/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.60	5.25	14.10	
273	020273	Nguyễn Minh	Khoa	01/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	5.60	9.00	22.35	
274	020274	Nguyễn Phúc	Khoa	10/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.40	7.25	19.65	
275	020275	Nguyễn Trần Quốc	Khoa	21/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	8.00	20.65	
276	020276	Phạm Ngọc Anh	Khoa	17/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.50	23.90	
277	020277	Trịnh Đông	Khoa	04/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	4.60	7.50	16.10	
278	020278	Võ Đăng	Khoa	08/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	8.50	19.70	
279	020279	Hồ Phạm Nhật	Khôi	03/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	7.75	16.55	
280	020280	Hoàng Vũ Đăng	Khôi	02/01/2010	Nam	Kinh	Biên Hòa, Đồng Nai	0	0	4.75	2.40	6.75	13.90	
281	020281	Lê Nguyễn Đăng	Khôi	29/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.80	8.50	21.30	
282	020282	Lê Trọng	Khôi	02/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	1.80	4.50	11.05	
283	020283	Nguyễn Hoàng Phi	Khôi	06/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.00	8.00	22.50	
284	020284	Nguyễn Nhật	Khôi	10/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.75	2.80	7.50	14.05	
285	020285	Nguyễn Thị Bích	Khôi	03/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.40	4.00	11.90	
286	020286	Nguyễn Vinh	Khôi	20/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	6.60	7.25	20.35	
287	020287	Trần Ngô Anh	Khôi	19/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	6.50	19.05	
288	020288	Đặng Trung	Kiên	31/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.40	5.25	14.90	
289	020289	Đinh Nguyễn Trung	Kiên	04/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	3.80	6.25	15.30	
290	020290	Phan Trung	Kiên	23/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	3.40	6.50	16.15	
291	020291	Bùi Lý Anh	Kiệt	08/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	7.50	17.80	
292	020292	Ngô Tuấn	Kiệt	08/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	1.80	8.00	14.80	
293	020293	Nguyễn Anh	Kiệt	25/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	8.25	18.70	
294	020294	Nguyễn Anh	Kiệt	13/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	4.20	6.50	16.45	
295	020295	Nguyễn Tuấn	Kiệt	05/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	4.50	15.40	
296	020296	Phạm Quốc	Kiệt	14/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	6.25	14.20	
297	020297	Trần Tuấn	Kiệt	15/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	1.20	4.00	10.20	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
298	020298	Nguyễn Thanh Xuân	Kiều	05/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.20	8.50	21.95	
299	020299	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	27/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.60	8.00	19.85	
300	020300	Diệp Trọng	Kim	03/05/2009	Nam	Hoa	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	5.75	7.20	8.50	22.45	
301	020301	Ngô Võ Thiên	Kim	11/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	7.50	17.55	
302	020302	Trần Đỗ Thiên	Kim	11/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	5.60	7.25	18.35	
303	020303	Thái Nhã	Kỳ	05/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.20	7.75	17.95	
304	020304	Võ Huỳnh Gia	Lạc	04/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	3.80	3.25	13.30	
305	020305	Huỳnh Nữ Thiên	Lam	18/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.75	8.20	8.75	25.70	
306	020306	Nguyễn Bảo Trúc	Lam	26/02/2010	Nữ	Kinh	Pleiku, Gia Lai	0	0	6.75	3.00	7.75	17.50	
307	020307	Nguyễn Hồng Ngọc	Lam	09/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	5.25	15.45	
308	020308	Hoàng Thùy	Lâm	22/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	2.80	7.50	14.30	
309	020309	Nguyễn Thị Thùy	Lâm	03/06/2010	Nữ	Kinh	Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	0	0	6.50	7.60	7.00	21.10	
310	020310	Nguyễn Trọng Anh	Lân	24/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	6.40	8.25	21.15	
311	020311	Nguyễn Văn Quang	Lân	28/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	3.80	5.25	12.55	
312	020312	Nguyễn Tấn	Lập	26/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	6.40	8.75	21.40	
313	020313	Tổng Thị Ái	Liên	16/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.80	7.75	22.55	
314	020314	Trần Thị Thanh	Liên	14/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.20	3.50	10.45	
315	020315	Phạm Nguyễn Gia	Lìn	03/04/2010	Nữ	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.50	5.40	9.00	21.90	
316	020316	Bá Thị Kiều	Linh	09/03/2010	Nữ	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	3.50	2.20	3.00	9.70	
317	020317	Đặng Nhật Thùy	Linh	31/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	8.50	22.15	
318	020318	Đỗ Thị Phúc	Linh	06/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	3.40	6.50	15.15	
319	020319	Hà Diệu	Linh	16/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	7.40	7.00	21.15	
320	020320	Hoàng Khánh	Linh	20/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	5.00	7.00	17.50	
321	020321	Lê Nguyễn Thùy	Linh	12/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.60	5.00	14.10	
322	020322	Mạch Hoàng Uyên	Linh	27/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	8.25	18.50	
323	020323	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	27/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	6.00	13.45	
324	020324	Nguyễn Thị Kiều	Linh	08/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	8.00	19.65	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
325	020325	Nguyễn Thị Phương	Linh	07/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	6.40	6.25	19.40	
326	020326	Nguyễn Thị Trúc	Linh	15/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.60	8.25	20.85	
327	020327	Nguyễn Thị Bích	Loan	31/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.80	8.00	20.30	
328	020328	Nguyễn Hữu	Lộc	08/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	7.50	21.50	
329	020329	Phạm Phúc	Lộc	09/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.25	22.50	
330	020330	Trương Văn	Lộc	04/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	3.20	5.75	14.95	
331	020331	Bùi Nguyễn Gia	Long	04/02/2010	Nam	Kinh	Nha Trang, Khánh Hoà	0	0	6.00	4.00	7.00	17.00	
332	020332	Hồ Ngọc	Long	06/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	2.00	6.25	15.75	
333	020333	Ngô Bá	Long	13/04/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	7.00	20.65	
334	020334	Nguyễn Hải Hoàng	Long	02/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.40	7.50	18.40	
335	020335	Lê Đăng Ngọc Kha	Ly	10/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	4.00	7.25	18.50	
336	020336	Nguyễn Phan Hoàng	Ly	29/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	7.00	8.50	22.00	
337	020337	Nguyễn Thị Ca	Ly	08/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	1.60	5.00	12.10	
338	020338	Nguyễn Phan Thanh	Mai	20/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	1.00	6.00	14.75	
339	020339	Phạm Thị	Mai	05/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.60	7.50	16.35	
340	020340	Nguyễn Đức	Mạnh	29/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.80	7.25	17.55	
341	020341	Nguyễn Thành	Mây	23/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.40	7.00	16.40	
342	020342	Nguyễn Thị Thanh	Mến	22/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	8.00	19.80	
343	020343	Hồ Diễm	Mi	07/11/2010	Nữ	Kinh	Biên Hòa, Đồng Nai	0	0	8.00	3.60	6.00	17.60	
344	020344	Nguyễn Trần Khả	Mi	02/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	2.60	3.25	12.60	
345	020345	Đặng Nguyễn Thiện	Minh	03/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.40	9.00	25.40	
346	020346	Lê	Minh	05/09/2010	Nam	Kinh	Tp Vĩnh Long, Vĩnh Long	0	0	5.25	1.80	5.25	12.30	
347	020347	Lê	Minh	18/11/2010	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	7.50	3.80	8.00	19.30	
348	020348	Lê Tuấn	Minh	28/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	7.80	9.00	24.55	
349	020349	Nguyễn Đăng	Minh	05/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.80	5.50	13.55	
350	020350	Nguyễn Ngọc Hữu	Minh	11/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.40	8.50	22.15	
351	020351	Lê Hồng Bảo	My	16/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	4.25	14.20	

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
352	020352	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	15/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.80	8.00	20.80	
353	020353	Nguyễn Ngọc	My	15/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	1.20	5.75	13.20	
354	020354	Nguyễn Ngọc Diễm	My	13/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	5.60	8.50	19.35	
355	020355	Nguyễn Ngọc Uyển	My	24/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.20	8.00	22.20	
356	020356	Trương Anh Trà	My	08/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	8.50	20.50	
357	020357	Lê Tấn	Nam	10/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	5.00	8.00	19.00	
358	020358	Nguyễn Hoài Bảo	Nam	19/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	1.80	6.25	13.80	
359	020359	Nguyễn Hoàng	Nam	08/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	5.80	8.00	19.55	
360	020360	Trần Xuân	Nam	25/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	8.20	7.50	22.70	
361	020361	Dương Thị Kim	Nga	12/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	3.00	4.25	11.75	
362	020362	Phạm Thị Ngọc	Nga	19/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	3.80	7.25	16.05	
363	020363	Đào Kim	Ngân	08/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	8.40	8.75	24.40	
364	020364	Huỳnh Thị Thu	Ngân	28/09/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.00	7.25	19.25	
365	020365	Lưu Kim	Ngân	23/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	9.00	8.50	25.75	
366	020366	Ngô Khả	Ngân	15/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	4.20	8.25	20.20	
367	020367	Ngô Thị Bích	Ngân	28/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	1.60	6.75	16.10	
368	020368	Nguyễn Hoàng	Ngân	01/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.40	7.00	21.40	
369	020369	Nguyễn Hồng Kim	Ngân	20/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	8.00	22.00	
370	020370	Tô Thanh	Ngân	20/09/2010	Nữ	Hoa	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	8.25	7.20	8.00	24.45	
371	020371	Trần Nguyễn Kim	Ngân	29/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	1.00	3.25	9.50	
372	020372	Trần Thị Kim	Ngân	23/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	7.25	18.55	
373	020373	Võ Lý Uyên	Ngân	02/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.80	8.25	21.05	
374	020374	Võ Trần Kim	Ngân	29/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	6.25	14.40	
375	020375	Nguyễn Trần Tuyết	Nghi	15/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
376	020376	Huỳnh Hiếu	Nghĩa	31/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	3.00	10.95	
377	020377	Huỳnh Trọng	Nghĩa	14/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	3.00	4.00	10.50	
378	020378	Lê Trọng	Nghĩa	27/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.00	6.25	16.50	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
379	020379	Nguyễn Hữu Hoài	Nghĩa	06/07/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	8.60	9.50	26.35	
380	020380	Nguyễn Phúc	Nghĩa	20/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	2.20	5.50	14.20	
381	020381	Nguyễn Võ Hoàng	Nghĩa	28/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.20	7.75	17.95	
382	020382	Trần Võ Cao	Nghĩa	30/08/2010	Nam	Kinh	La Gi, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	7.50	18.00	
383	020383	Đỗ Diễm	Ngọc	22/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	2.80	6.50	17.05	
384	020384	Huỳnh Thanh	Ngọc	24/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	6.20	8.00	21.95	
385	020385	Lê Thanh Bảo	Ngọc	10/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	1.40	5.00	13.15	
386	020386	Lê Thị Bích	Ngọc	12/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.00	20.70	
387	020387	Ngô Kim	Ngọc	05/06/2010	Nữ	Kinh	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	0	0	6.75	2.00	2.25	11.00	
388	020388	Ngô Thị Kim	Ngọc	12/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	7.25	18.25	
389	020389	Nguyễn Đoàn Khánh	Ngọc	04/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	9.00	9.00	26.00	
390	020390	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	09/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.75	5.20	7.75	20.70	
391	020391	Nguyễn Như	Ngọc	25/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	4.40	7.75	19.40	
392	020392	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	17/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	4.40	8.00	18.40	
393	020393	Nguyễn Thụy Xuân	Ngọc	26/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.20	8.50	19.95	
394	020394	Phạm Đỗ Khánh	Ngọc	21/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	5.00	8.00	21.50	
395	020395	Phạm Thị Kim	Ngọc	26/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	8.25	21.30	
396	020396	Trương Thị Mỹ	Ngọc	03/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	7.80	8.25	24.80	
397	020397	Võ Minh	Ngọc	03/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	8.25	20.35	
398	020398	Đặng Ngọc Thảo	Nguyên	22/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.00	8.50	23.50	
399	020399	Hoàng Trần Thảo	Nguyên	15/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	6.50	19.75	
400	020400	Mai Ngọc Thanh	Nguyên	06/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình , Bình Thuận	0	0	8.50	8.80	8.50	25.80	
401	020401	Ngô Như Phúc	Nguyên	25/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	8.20	9.25	25.95	
402	020402	Ngô Thảo	Nguyên	21/06/2010	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	8.00	8.80	8.25	25.05	
403	020403	Nguyễn Chí	Nguyên	14/09/2010	Nam	Kinh	An Minh, Kiên Giang	0	0	5.75	3.60	6.00	15.35	
404	020404	Nguyễn Hoàng Đình	Nguyên	02/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.25	7.20	5.75	16.20	
405	020405	Nguyễn Lê Đình	Nguyên	25/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.75	1.60	1.50	5.85	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
406	020406	Nguyễn Ngọc Bảo	Nguyên	05/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	5.75	14.30	
407	020407	Phạm Thanh	Nguyên	14/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.00	7.25	20.00	
408	020408	Phan Ngọc Minh	Nguyên	09/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	7.25	17.70	
409	020409	Võ Thị Thảo	Nguyên	14/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	7.50	17.00	
410	020410	Lê Thị Yển	Nguyệt	30/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.80	6.00	21.30	
411	020411	Lê Nguyễn Xuân	Nhã	10/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	9.80	8.50	26.80	
412	020412	Nguyễn Quỳnh Phúc	Nhã	20/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.60	5.00	16.10	
413	020413	Nguyễn Thanh	Nhã	15/11/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.00	7.40	8.50	22.90	
414	020414	Trần Thị Minh	Nhã	15/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	6.50	16.35	
415	020415	Lê Thiện	Nhân	02/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	8.50	18.30	
416	020416	Nguyễn Thiện	Nhân	29/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	4.80	5.25	16.80	
417	020417	Phan Thành	Nhân	26/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.40	7.00	14.65	
418	020418	Trần Hữu	Nhân	25/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	5.00	17.55	
419	020419	Võ Minh	Nhân	01/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	6.60	7.50	21.60	
420	020420	Vương Thành	Nhân	28/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	6.75	6.60	8.25	22.60	
421	020421	Đặng Thị Ngọc	Nhi	09/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	2.60	5.25	14.35	
422	020422	Đặng Xuân	Nhi	18/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	8.50	19.65	
423	020423	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	22/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	4.80	8.25	16.55	
424	020424	Lâm Kiều	Nhi	09/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	5.80	8.25	20.80	
425	020425	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	01/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.00	7.00	17.50	
426	020426	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	8.20	8.25	23.45	
427	020427	Nguyễn Trương Xuân	Nhi	05/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.60	7.25	17.10	
428	020428	Phạm Anh	Nhi	16/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.20	8.50	23.70	
429	020429	Hồ Lưu	Nhiên	28/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.80	7.50	21.80	
430	020430	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Nhiên	30/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.00	6.50	18.75	
431	020431	Nguyễn Hồ An	Nhiên	28/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	7.20	8.00	21.45	
432	020432	Ngô Nguyễn Tuyết	Như	18/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	2.60	4.75	14.35	

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
433	020433	Nguyễn Hoàng Băng	Như	30/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	4.40	7.50	18.65	
434	020434	Nguyễn Ngọc Diễm	Như	01/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	4.75	11.65	
435	020435	Nguyễn Ngọc Tuấn	Như	21/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.60	8.25	17.60	
436	020436	Trần Phạm Khả	Như	22/07/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	6.60	8.25	23.10	
437	020437	Trương Ngọc Quỳnh	Như	07/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.20	7.50	19.70	
438	020438	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	05/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	8.00	8.75	25.00	
439	020439	Ngô Nguyễn Tuyết	Nhung	18/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.20	8.00	20.20	
440	020440	Trần Thị Cẩm	Nhung	10/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.80	7.00	17.80	
441	020441	Võ Thị Hồng	Nhung	05/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	7.25	17.90	
442	020442	Nguyễn Kim	Oanh	09/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	4.40	4.00	13.40	
443	020443	Nguyễn Thị Ngọc Kim	Oanh	29/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	10.00	8.75	27.00	
444	020444	Nguyễn Trương Hoàng	Oanh	29/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.80	6.25	13.55	
445	020445	Huỳnh Tấn	Phát	15/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	2.80	6.75	13.55	
446	020446	Nguyễn Hồ Thành	Phát	06/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.00	22.25	
447	020447	Nguyễn Xuân	Phát	03/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	4.40	5.25	14.15	
448	020448	Võ Trần Yên	Phát	14/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.40	6.75	13.15	
449	020449	Bùi Minh	Phi	17/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.40	4.75	13.90	
450	020450	Đỗ Huỳnh Yên	Phi	19/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	2.20	3.50	10.70	
451	020451	Lê Đức	Phi	04/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.60	4.25	11.85	
452	020452	Lê Hồng	Phong	10/04/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.00	4.75	13.00	
453	020453	Lê Nhật	Phong	07/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.25	3.20	4.75	10.20	
454	020454	Nguyễn Tấn	Phong	31/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	7.60	9.00	23.35	
455	020455	Phan Thanh	Phong	05/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.20	4.50	11.95	
456	020456	Tạ Đình	Phong	08/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.60	6.50	16.85	
457	020457	Huỳnh Kim	Phú	19/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	8.20	9.00	24.45	
458	020458	Huỳnh Ngọc	Phú	08/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	0.50	5.00	V	V	
459	020459	Lê Minh	Phú	09/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	1.80	7.50	14.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
460	020460	Trần Văn Quốc	Phú	21/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.00	6.50	18.75	
461	020461	Vũ Quang	Phú	08/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	2.40	4.25	11.40	
462	020462	Đặng Thanh	Phúc	01/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.00	7.50	17.50	
463	020463	Huỳnh Tấn	Phúc	20/05/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	0	0	7.00	3.00	6.25	16.25	
464	020464	Nguyễn Hoàng	Phúc	24/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	3.75	12.70	
465	020465	Trần Nguyên	Phúc	21/04/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	2.75	5.00	2.00	9.75	
466	020466	Lù A	Phụng	30/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	7.75	19.75	
467	020467	Nguyễn Đoàn Ngọc	Phụng	15/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.20	6.50	13.45	
468	020468	Nguyễn Phạm Thanh	Phụng	27/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	1.20	4.25	9.70	
469	020469	Phan Thị Kim	Phụng	30/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	8.00	9.00	25.50	
470	020470	Nguyễn Thanh	Phước	13/05/2010	Nam	Kinh		0	0	V	V	V	V	
471	020471	Võ Hữu	Phước	21/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.00	8.50	21.75	
472	020472	Đỗ Phạm Lê	Phương	26/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	0	0	7.00	4.20	6.50	17.70	
473	020473	Lê Ngô Tuyết	Phương	04/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	3.60	6.50	15.35	
474	020474	Ngô Thanh	Phương	05/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.60	7.50	19.85	
475	020475	Nguyễn Ngọc Nhã	Phương	15/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.60	7.75	21.10	
476	020476	Nguyễn Thị Trúc	Phương	03/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	6.50	19.70	
477	020477	Ngô Thị Thanh	Phượng	04/05/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	6.50	15.05	
478	020478	Nguyễn Ngọc	Phượng	14/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.20	6.25	18.45	
479	020479	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	02/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	6.50	21.95	
480	020480	Trần Quỳnh Kim	Phượng	28/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	6.25	18.25	
481	020481	Nguyễn Minh	Quan	25/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.40	5.25	14.65	
482	020482	Đỗ Anh	Quân	19/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	6.00	16.65	
483	020483	Hà Đức	Quân	29/05/2010	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	6.00	4.60	7.00	17.60	
484	020484	Huỳnh Tổng Hiếu	Quân	04/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	4.75	13.75	
485	020485	Mai Minh	Quân	03/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	5.80	5.50	17.80	
486	020486	Nguyễn Minh	Quân	10/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.00	5.50	17.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
487	020487	Phạm Lương Hoàng	Quân	16/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	6.00	14.80	
488	020488	Phan Khả	Quân	20/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	9.20	9.00	26.20	
489	020489	Trần Ngọc	Quân	12/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.40	4.25	11.90	
490	020490	Võ Kiên	Quân	30/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	9.20	8.00	24.20	
491	020491	Lê Nguyễn Minh	Quang	14/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	4.60	6.25	16.60	
492	020492	Nguyễn	Quang	22/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	8.00	9.00	25.25	
493	020493	Nguyễn Bảo Trường	Quang	28/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
494	020494	Nguyễn Hữu	Quang	13/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.60	8.25	18.35	
495	020495	Nguyễn Xuân	Quy	22/10/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	4.75	12.55	
496	020496	Huỳnh Kim	Quý	19/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	6.60	7.50	21.60	
497	020497	Nguyễn Minh	Quý	26/04/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	4.25	12.70	
498	020498	Võ Thị Bé	Quý	02/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	4.40	7.50	17.90	
499	020499	Võ Trần Phú	Quý	17/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.60	8.00	24.60	
500	020500	Đỗ	Quyên	20/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	10.00	9.50	27.75	
501	020501	Nguyễn Thị Bích	Quyên	12/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	6.25	15.30	
502	020502	Nguyễn Thị Hạ	Quyên	11/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.80	7.50	19.80	
503	020503	Phạm Huỳnh Thanh	Quyên	29/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	5.80	7.00	21.55	
504	020504	Trần Lê Tường	Quyên	11/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	9.00	9.00	9.00	27.00	
505	020505	Đặng Thanh	Quyên	24/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	2.00	6.50	13.25	
506	020506	Trương Lê Anh	Quyên	21/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.50	1.60	2.50	7.60	
507	020507	Lê Thụy Thanh	Quỳnh	30/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.80	6.50	17.05	
508	020508	Châu Như	Quỳnh	25/05/2010	Nữ	Kinh	Xuân Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	6.50	3.80	6.75	17.05	
509	020509	Hồ Ngọc	Quỳnh	25/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.40	8.25	20.65	
510	020510	Hồ Ngọc Như	Quỳnh	30/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.00	8.50	20.50	
511	020511	Lê Ngọc Khánh	Quỳnh	20/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
512	020512	Lê Thị Như	Quỳnh	14/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.40	7.50	20.40	
513	020513	Lý Thu	Quỳnh	19/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.60	4.75	11.35	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
514	020514	Ngô Khả	Quỳnh	15/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	9.00	8.25	25.50	
515	020515	Nguyễn Nữ Như	Quỳnh	20/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	5.40	8.00	20.15	
516	020516	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	01/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	4.40	6.75	17.65	
517	020517	Nguyễn Trương Như	Quỳnh	29/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	6.50	15.45	
518	020518	Phạm Ngọc Nhã	Quỳnh	06/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	8.25	21.30	
519	020519	Phạm Như	Quỳnh	11/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	4.40	6.50	16.90	
520	020520	Trần Ngọc	Quỳnh	12/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	8.25	21.25	
521	020521	Trần Ngọc Như	Quỳnh	28/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	7.00	18.20	
522	020522	Trịnh Ngọc Như	Quỳnh	21/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
523	020523	Võ Thị Kim	Quỳnh	22/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.40	6.75	16.90	
524	020524	Trương Tấn	Sang	06/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.40	4.50	12.65	
525	020525	Lê Hoàng	Sơn	04/04/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	3.00	6.50	13.50	
526	020526	Nguyễn Thanh	Sơn	02/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	5.50	3.00	6.50	16.00	
527	020527	Võ Thành	Sơn	25/12/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	4.60	5.75	16.35	
528	020528	Hà Ngọc	Tài	24/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.50	3.20	1.75	8.45	
529	020529	Huỳnh Trần Tấn	Tài	14/10/2008	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	1.25	1.60	2.25	5.10	
530	020530	Nguyễn Huỳnh	Tài	21/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	5.00	8.00	18.75	
531	020531	Đỗ Hoàng Nhật	Tâm	14/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	5.80	6.75	17.05	
532	020532	Lê Thanh	Tâm	22/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	6.00	6.75	19.25	
533	020533	Nguyễn Hoài Ngọc	Tâm	09/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.60	8.00	15.35	
534	020534	Nguyễn Lê Hữu	Tâm	15/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.80	8.75	19.05	
535	020535	Nguyễn Ngọc Liên	Tâm	15/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.00	8.25	23.00	
536	020536	Nguyễn Trí	Tâm	21/05/2010	Nam	Kinh	Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	4.25	2.00	5.25	11.50	
537	020537	Trần Thanh	Tâm	22/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	4.00	7.00	18.50	
538	020538	Võ Minh	Tâm	24/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.60	6.75	14.60	
539	020539	Lê Duy	Tân	10/12/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	6.80	8.75	22.55	
540	020540	Tiêu Minh	Tân	02/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.25	2.00	1.00	6.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
541	020541	Phạm Ngọc	Tấn	07/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	7.50	20.55	
542	020542	Đặng Anh	Tây	23/04/2009	Nam	Kinh	Đà Nẵng	0	0	5.25	3.20	0.25	8.70	
543	020543	Đàm Trần Thuận	Thái	17/10/2010	Nam	Kinh	Thái Nguyên	0	0	8.00	8.40	9.00	25.40	
544	020544	Huỳnh Duy	Thái	08/10/2010	Nam	Kinh	Kiên Hải, Kiên Giang	0	0	5.00	4.20	8.00	17.20	
545	020545	Huỳnh Nguyễn Quốc	Thái	11/01/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.00	2.40	3.50	8.90	
546	020546	Nguyễn Ngọc	Thái	07/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	6.60	9.00	21.60	
547	020547	Nguyễn Ngọc	Thái	16/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.60	7.75	17.60	
548	020548	Nguyễn Ngọc	Thái	09/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.00	4.20	5.25	12.45	
549	020549	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	12/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	2.00	4.00	11.00	
550	020550	Lê Nguyễn Hồng	Thắm	09/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.80	3.00	11.55	
551	020551	Nguyễn Thị Bích	Thắm	02/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	8.00	17.95	
552	020552	Nguyễn Thị Kim	Thắm	25/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	2.40	5.50	12.65	
553	020553	Huỳnh Nguyễn Thúc	Thắng	24/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	4.25	12.10	
554	020554	Nguyễn Minh	Thắng	14/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	6.00	8.00	21.50	
555	020555	Thái Xuân	Thắng	22/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.00	9.00	22.00	
556	020556	Võ Minh	Thắng	13/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.25	2.00	0.25	5.50	
557	020557	Huỳnh Trần Tuyết	Thanh	06/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.60	5.25	13.85	
558	020558	Lê Thị Ngọc Mai	Thanh	31/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.80	7.00	16.05	
559	020559	Trần Thanh	Thanh	03/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.40	6.25	14.90	
560	020560	Nguyễn Quốc	Thành	23/04/2010	Nam	Kinh	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0	6.75	7.20	8.50	22.45	
561	020561	Tô Đình Vĩnh	Thành	01/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	5.40	8.00	18.90	
562	020562	Trần Công	Thành	03/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	2.60	3.00	10.10	
563	020563	Võ Minh	Thành	21/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	2.40	4.25	13.90	
564	020564	Đỗ Thị Thanh	Thảo	02/01/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	8.00	18.45	
565	020565	Huỳnh Ngọc Kim	Thảo	17/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	8.00	8.50	24.50	
566	020566	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	11/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.60	5.50	15.85	
567	020567	Lê Thị Thanh	Thảo	12/08/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	7.00	17.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
568	020568	Lưu Thị Ngọc	Thảo	22/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.00	3.40	5.50	11.90	
569	020569	Nguyễn Lê Minh	Thảo	29/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	7.80	8.50	25.05	
570	020570	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	9.20	8.00	25.95	
571	020571	Trần Ngọc Hương	Thảo	13/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	4.75	14.70	
572	020572	Trần Thế	Thảo	05/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	9.20	9.00	26.95	
573	020573	Trần Thị Thu	Thảo	01/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	6.75	14.70	
574	020574	Nguyễn Tấn	Then	31/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	4.50	13.25	
575	020575	Nguyễn Anh	Thi	15/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.00	0.75	7.50	
576	020576	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	29/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	5.00	8.50	19.75	
577	020577	Trương Ngọc Anh	Thi	31/12/2010	Nữ	Kinh	Ninh Phước, Ninh Thuận	0	0	4.50	3.20	3.50	11.20	
578	020578	Hồ Thế	Thiên	02/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	4.80	8.00	19.05	
579	020579	Huỳnh Ngọc	Thiên	05/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	1.60	3.75	9.60	
580	020580	Lê Anh	Thiên	20/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	3.80	5.00	13.05	
581	020581	Lê Chí	Thiên	24/10/2009	Nam	Hoa	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	4.00	2.20	4.50	11.70	
582	020582	Mai Ngọc	Thiên	07/10/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	2.40	5.75	14.90	
583	020583	Nguyễn Hiếu	Thiên	07/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.80	8.00	19.80	
584	020584	Nguyễn Hữu Uy	Thiên	05/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.60	7.25	18.35	
585	020585	Nguyễn Thanh Hạo	Thiên	23/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.25	2.60	5.50	12.35	
586	020586	Phạm Quỳnh	Thiên	30/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	7.00	8.25	24.00	
587	020587	Trần Ngọc	Thiên	15/01/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.00	7.25	16.75	
588	020588	Trần Nhất	Thiên	26/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	2.80	5.25	11.80	
589	020589	Trần Quốc	Thiên	02/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	4.25	11.65	
590	020590	Trần Văn	Thiên	06/09/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	8.80	8.50	23.55	
591	020591	Lê Văn	Thiện	28/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.00	2.80	4.25	9.05	
592	020592	Nguyễn Hữu	Thiện	05/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	6.25	14.05	
593	020593	Nguyễn Phúc	Thiện	16/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	4.20	4.50	13.20	
594	020594	Nguyễn Thị Diệu	Thiệt	06/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.80	8.00	20.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
595	020595	Đỗ Quốc	Thịnh	13/05/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	5.40	8.50	22.15	
596	020596	Nguyễn Thanh Quốc	Thịnh	19/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	4.60	7.00	19.60	
597	020597	Tô Phước	Thịnh	02/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	5.20	6.25	17.45	
598	020598	Trần Phúc	Thịnh	13/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	6.00	2.20	6.75	15.95	
599	020599	Ngô Đặng Trường	Thọ	31/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	4.25	10.45	
600	020600	Nguyễn Văn	Thọ	11/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	4.75	13.70	
601	020601	Mai Thị Kim	Thoa	06/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	6.50	15.45	
602	020602	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	12/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.80	8.00	21.30	
603	020603	Nguyễn Thị Minh	Thông	30/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.80	6.75	17.80	
604	020604	Bùi Thị Minh	Thư	05/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	6.00	8.50	22.50	
605	020605	Châu Võ Anh	Thư	02/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.60	7.50	17.85	
606	020606	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	10/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	8.40	7.50	24.65	
607	020607	Hồ Nguyễn Kim	Thư	16/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.60	8.50	21.35	
608	020608	Hồ Thiên Anh	Thư	12/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.00	7.75	19.50	
609	020609	Lê Thị Minh	Thư	18/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.75	2.40	7.50	13.65	
610	020610	Mai Thanh	Thư	14/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	6.00	14.35	
611	020611	Nguyễn Diệp Anh	Thư	10/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	4.00	8.50	20.50	
612	020612	Nguyễn Hữu Quỳnh	Thư	14/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.00	3.40	6.00	15.40	
613	020613	Nguyễn Lê Anh	Thư	12/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	3.60	6.50	16.10	
614	020614	Nguyễn Thị Minh	Thư	05/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	5.00	6.75	15.75	
615	020615	Nguyễn Thị Trang	Thư	25/06/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.20	7.75	18.70	
616	020616	Nguyễn Trương Anh	Thư	30/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	4.80	7.75	19.80	
617	020617	Nguyễn Văn Anh	Thư	30/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.42	8.20	8.00	23.62	
618	020618	Nhan Kỳ Anh	Thư	22/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	7.75	23.55	
619	020619	Nhơn Minh	Thư	08/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	3.20	2.50	11.20	
620	020620	Phạm Hoàng Trương Anh	Thư	28/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	7.40	8.25	23.90	
621	020621	Phạm Thị Minh	Thư	25/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	6.50	16.70	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
622	020622	Phan Kim Quỳnh	Thư	13/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	4.60	8.25	21.10	
623	020623	Thái Ngọc Anh	Thư	03/04/2010	Nữ	Kinh	huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	9.00	24.45	
624	020624	Trần Minh	Thư	08/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	7.00	8.50	23.75	
625	020625	Trần Ngọc	Thư	10/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	7.40	8.50	22.90	
626	020626	Trần Phạm Anh	Thư	24/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	6.20	8.00	21.70	
627	020627	Trương Thị Bích	Thư	03/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	5.40	7.75	18.15	
628	020628	Trương Trúc	Thư	08/09/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.50	5.00	8.00	20.50	
629	020629	Võ Minh	Thư	10/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	3.20	6.25	16.95	
630	020630	Võ Minh	Thư	17/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.75	2.60	5.50	12.85	
631	020631	Võ Minh	Thư	24/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	2.20	4.50	13.45	
632	020632	Võ Ngọc Anh	Thư	21/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
633	020633	Nguyễn Khánh	Thuần	29/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	7.20	8.50	23.70	
634	020634	Đỗ Văn	Thuận	04/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.20	6.75	16.20	
635	020635	Ngô Minh	Thuận	07/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	1.60	4.25	9.60	
636	020636	Nguyễn	Thuận	25/02/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	1.25	1.40	1.25	3.90	
637	020637	Nguyễn Hoàng Phi	Thuận	24/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	5.00	8.50	21.25	
638	020638	Nguyễn Hùng	Thuận	24/06/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	8.40	9.50	26.90	
639	020639	Nguyễn Thanh	Thuận	03/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	4.40	7.50	17.15	
640	020640	Nguyễn Viết Hiếu	Thuận	24/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	4.20	8.75	20.45	
641	020641	Phan Minh	Thuận	10/12/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.00	6.00	14.75	
642	020642	Tô Thanh	Thuận	16/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.20	7.75	22.45	
643	020643	Nguyễn Minh	Thức	23/05/2010	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	0	0	8.75	8.20	9.00	25.95	
644	020644	Nguyễn Minh	Thức	10/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	7.00	8.50	22.50	
645	020645	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	02/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	3.25	3.00	5.00	11.25	
646	020646	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	02/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.50	6.20	7.75	22.45	
647	020647	Bùi Lê Nhu	Thùy	02/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	8.00	8.00	23.00	
648	020648	Lê Khánh Linh	Thùy	21/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	5.40	8.00	21.40	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
649	020649	Lê Thị Thu	Thùy	04/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.00	7.00	18.50	
650	020650	Nguyễn Quỳnh Như	Thủy	02/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	4.50	4.80	5.00	15.30	
651	020651	Trần Lê An	Thuyên	05/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	9.80	8.50	26.30	
652	020652	Bùi Lê Anh	Thy	22/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	4.40	7.50	20.15	
653	020653	Lương Vũ Trúc	Tiên	14/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.40	7.25	19.15	
654	020654	Nguyễn Nhật Ngọc	Tiên	08/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	5.00	7.75	20.75	
655	020655	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	17/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.25	2.60	3.25	8.10	
656	020656	Nguyễn Thị Triều	Tiên	27/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.80	7.25	16.05	
657	020657	Phan Nguyễn Cảnh	Tiên	05/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	1	0	7.00	6.80	6.50	21.30	
658	020658	Trần Nguyễn Cát	Tiên	11/02/2010	Nữ	Kinh	Biên Hòa, Đồng Nai	0	0	6.25	5.00	7.00	18.25	
659	020659	Đỗ Văn Thành	Tiến	27/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.75	2.20	3.25	8.20	
660	020660	Lê Minh	Tiến	19/02/2010	Nam	Kinh	T.P Hồ Chí Minh	0	0	6.75	2.80	7.25	16.80	
661	020661	Lê Nhật	Tiến	26/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.40	7.50	18.15	
662	020662	Nguyễn Ngọc Thanh	Tiền	03/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	5.80	8.25	22.30	
663	020663	Trần Thành	Tín	16/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	8.00	16.45	
664	020664	Trương Võ Công	Tính	30/08/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.00	7.80	8.50	24.30	
665	020665	Nguyễn Ngọc	Tình	15/03/2008	Nam	Kinh	Tuy Phong - Bình Thuận	0	0	7.25	5.40	7.25	19.90	
666	020666	Nguyễn Văn	Tình	15/12/2009	Nam	Kinh		0	0	3.00	2.80	2.75	8.55	
667	020667	Nguyễn Khánh	Toàn	14/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	7.00	18.30	
668	020668	Nguyễn Quốc	Toàn	05/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.80	5.25	16.55	
669	020669	Phan Lê Thanh	Toàn	17/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.50	23.40	
670	020670	Trần Lâm Minh	Toàn	29/11/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	4.20	7.75	18.70	
671	020671	Phan Nhật Thanh	Toàn	20/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.60	4.50	15.35	
672	020672	Nguyễn Bảo	Trâm	17/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.00	6.75	17.75	
673	020673	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	31/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.00	7.40	8.25	24.65	
674	020674	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	18/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	7.75	23.20	
675	020675	Nguyễn Thị Bích	Trâm	10/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.20	8.25	19.45	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
676	020676	Trần Nguyễn Thùy	Trâm	21/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	7.25	22.70	
677	020677	Võ Nguyễn Bích	Trâm	23/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	7.80	8.50	25.05	
678	020678	Lâm Bảo	Trân	27/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	7.20	9.00	24.45	
679	020679	Lê Quỳnh Bảo	Trân	05/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	5.20	6.50	18.70	
680	020680	Nguyễn Hữu Khánh	Trân	13/11/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	9.60	8.75	26.85	
681	020681	Nguyễn Huynh Bảo	Trân	12/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	4.20	4.75	14.70	
682	020682	Phạm Thị Bảo	Trân	10/05/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	9.40	9.00	27.40	
683	020683	Đỗ Thị Yên	Trang	01/02/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.25	7.00	8.50	22.75	
684	020684	Nguyễn Hồng	Trang	12/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	2.00	6.75	14.50	
685	020685	Nguyễn Thị Kiều	Trang	15/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	6.25	19.30	
686	020686	Nguyễn Thị Tâm	Trang	10/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	2.75	12.55	
687	020687	Phạm Ngọc Phương	Trang	08/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	7.00	15.30	
688	020688	Phạm Thùy	Trang	11/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	8.25	19.85	
689	020689	Trần Thị Thu	Trang	02/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	3.40	7.75	17.90	
690	020690	Trần Thị Tuyết	Trang	19/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	3.00	8.25	18.50	
691	020691	Trương Ngọc Minh	Trang	07/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	4.80	7.50	20.80	
692	020692	Hồ Quốc	Trí	30/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	2.40	6.25	13.90	
693	020693	Huỳnh Quốc	Trí	29/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	6.80	8.00	22.55	
694	020694	Nguyễn Tấn	Trí	30/12/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.00	6.75	18.25	
695	020695	Trần Văn	Trí	01/06/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	V	V	V	V	
696	020696	Võ Minh	Trí	30/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.25	2.20	6.50	13.95	
697	020697	Dương Đức	Triển	17/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.60	8.25	21.60	
698	020698	Lê Long	Triết	26/09/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.80	4.25	13.80	
699	020699	Ngô Thủy Hoàng	Triều	25/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	3.40	6.00	17.90	
700	020700	Trương Đông	Triều	21/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.60	4.00	11.85	
701	020701	Nguyễn Thị Bích	Triệu	23/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	7.25	17.55	
702	020702	Mai Ngọc Tuyết	Trinh	02/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	7.00	17.40	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
703	020703	Nguyễn Lương Phương	Trình	27/06/2010	Nữ	Kinh	T.P Hồ Chí Minh	0	0	8.25	7.80	8.00	24.05	
704	020704	Nguyễn Thị Kiều	Trình	13/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	6.50	17.40	
705	020705	Phạm Thị Thu	Trình	17/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.50	3.80	3.00	13.30	
706	020706	Võ Thị Mỹ	Trình	14/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	2.80	8.25	16.55	
707	020707	Phan Ngọc	Trình	22/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.20	4.25	12.20	
708	020708	Nguyễn Văn	Trong	16/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.50	2.80	V	V	
709	020709	Diên Văn	Trọng	22/09/2010	Nam	Chăm	Bắc Bình, Bình Thuận	1	0	7.25	4.20	3.50	15.95	
710	020710	Huỳnh Ngọc	Trọng	01/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.40	7.75	20.40	
711	020711	Nguyễn Hoàng Hữu	Trọng	05/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	3.20	5.00	13.20	
712	020712	Nguyễn Phúc	Trọng	22/02/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.50	4.60	5.50	14.60	
713	020713	Trương Minh	Trọng	20/04/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.00	2.20	2.50	8.70	
714	020714	Đỗ Kiều Linh	Trúc	04/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	7.25	17.05	
715	020715	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	4.20	6.50	18.95	
716	020716	Dương Thành	Trung	19/02/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	2.80	6.50	16.05	
717	020717	Lê Quốc	Trung	03/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	5.80	6.25	19.30	
718	020718	Nguyễn Đặng Kiên	Trung	13/01/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	6.20	8.50	21.70	
719	020719	Nguyễn Thành	Trung	01/08/2010	Nam	Kinh	Thủ Đức	0	0	5.00	2.60	5.00	12.60	
720	020720	Dương Nhật	Trường	07/08/2009	Nam	Kinh	Bắc Bình - Bình Thuận	0	0	3.50	1.00	2.75	7.25	
721	020721	Huỳnh Tấn	Trường	15/11/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	4.60	7.00	18.60	
722	020722	Lê Phi	Trường	30/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.50	2.00	0.50	5.00	
723	020723	Lê Thiên	Trường	30/10/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	8.50	8.40	8.50	25.40	
724	020724	Nguyễn Đan	Trường	05/01/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	2.60	2.75	11.10	
725	020725	Tổng Ngọc	Trường	21/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	7.00	16.00	
726	020726	Đặng Văn	Tú	09/07/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	6.60	8.00	21.85	
727	020727	Huỳnh Thái	Tú	06/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.00	2.60	5.00	12.60	
728	020728	Lại Phan Anh	Tú	24/03/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	6.00	16.40	
729	020729	Đỗ Minh	Tuấn	25/01/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.50	2.20	5.75	11.45	

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
730	020730	Hồ Gia Anh	Tuấn	29/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.25	6.60	8.25	23.10	
731	020731	La Phúc	Tuấn	28/05/2010	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.25	3.60	6.00	15.85	
732	020732	Lâm Văn	Tuấn	19/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	4.60	8.00	18.85	
733	020733	Ngô Minh	Tuấn	09/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.50	3.00	6.75	18.25	
734	020734	Nguyễn Ngọc	Tuấn	05/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	1.50	1.80	0.00	3.30	
735	020735	Bùi Trần Duy	Tường	02/11/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.40	6.25	14.65	
736	020736	Nguyễn Thanh Phương	Tường	23/11/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.00	6.00	5.50	14.50	
737	020737	Nguyễn Thanh Vĩnh	Tường	16/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.50	2.40	4.50	11.40	
738	020738	Huỳnh Minh	Tuyên	06/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	6.40	8.50	21.65	
739	020739	Nguyễn Thị Minh	Tuyên	18/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	6.80	8.00	22.05	
740	020740	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	23/05/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	4.20	5.25	15.70	
741	020741	Chế Trần Thanh	Tuyên	28/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.75	1.60	4.00	9.35	
742	020742	Lê Kim	Tuyên	11/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	6.40	8.25	22.90	
743	020743	Nguyễn Ngọc Xuân	Tuyên	14/11/2010	Nữ	Kinh	Phú Quý, Bình Thuận	0	0	8.25	6.00	7.50	21.75	
744	020744	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	31/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.80	7.25	19.80	
745	020745	Ong Trần Ngọc	Tuyên	14/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	1.60	6.75	14.10	
746	020746	Dương Thị Kim	Tuyệt	27/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.00	7.75	19.50	
747	020747	Hoàng Thị Ngọc	Tuyệt	19/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.40	8.50	23.90	
748	020748	Nguyễn Ánh	Tuyệt	23/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	3.20	7.75	18.20	
749	020749	Phan Văn	Út	13/04/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	1.80	6.00	13.05	
750	020750	Đào Gia	Uyên	20/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.40	7.75	18.65	
751	020751	Đỗ Thị Thùy	Uyên	23/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	7.40	8.50	23.40	
752	020752	Huỳnh Ngọc Bảo	Uyên	31/10/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.50	4.80	8.00	19.30	
753	020753	Lê Hoàng Bảo	Uyên	23/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	5.40	8.25	21.65	
754	020754	Lê Trịnh Nhã	Uyên	02/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	9.00	10.00	9.25	28.25	
755	020755	Ngô Thị Thùy	Uyên	25/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	3.80	7.25	19.05	
756	020756	Nguyễn Huỳnh Thanh	Uyên	18/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	3.20	3.75	13.70	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
757	020757	Nguyễn Nhã	Uyên	07/03/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	2.20	6.25	14.45	
758	020758	Nguyễn Phương	Uyên	27/10/2010	Nữ	Kinh	Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh	0	0	6.25	3.80	7.50	17.55	
759	020759	Phạm Ngọc Kim	Uyên	18/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	5.00	7.50	20.75	
760	020760	Phan Quỳnh Nhã	Uyên	03/10/2010	Nữ	Kinh	huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	0	0	8.25	8.60	9.00	25.85	
761	020761	Trần Nhã Phương	Uyên	17/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	1.20	5.50	12.95	
762	020762	Trần Phương	Uyên	21/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	5.00	7.75	21.00	
763	020763	Trần Thị Thanh	Uyên	05/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.00	9.40	8.00	26.40	
764	020764	Trương Ngọc Phương	Uyên	05/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	5.20	8.00	20.70	
765	020765	Huỳnh Tú	Vân	05/03/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	4.00	8.00	17.50	
766	020766	Nguyễn Đình Thúy	Vân	27/12/2009	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	2.40	2.50	9.15	
767	020767	Nguyễn Thị Hồng	Vân	21/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	2.40	3.75	11.15	
768	020768	Võ Trần Ái	Vân	05/08/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.75	7.60	5.25	19.60	
769	020769	Nguyễn Thành	Văn	16/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	9.20	9.00	25.95	
770	020770	Ngô Thị Yến	Vì	17/02/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	6.20	7.75	21.70	
771	020771	Nguyễn Hùng	Vĩ	30/09/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong , Bình Thuận	0	0	6.25	5.40	8.00	19.65	
772	020772	Ngô Tăng Quốc	Việt	29/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.80	7.00	16.55	
773	020773	Phan Lê Quốc	Việt	30/06/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.25	2.40	7.25	14.90	
774	020774	Trần Anh	Việt	13/06/2010	Nam	Kinh	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0	7.25	5.40	8.00	20.65	
775	020775	Trịnh Tấn	Việt	16/05/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	2.75	2.60	2.25	7.60	
776	020776	Đình Tấn	Vinh	30/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	6.00	2.25	14.00	
777	020777	Huỳnh Văn	Vinh	28/08/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.50	3.20	4.50	13.20	
778	020778	Lê Phan Đức	Vinh	19/09/2008	Nam	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	3.25	4.00	3.25	10.50	
779	020779	Ngô Văn	Vinh	13/03/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	4.80	6.25	16.05	
780	020780	Nguyễn Huỳnh Lam	Vinh	18/12/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	8.00	17.80	
781	020781	Đỗ Triệu Phong	Vũ	29/09/2009	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	2.25	2.80	1.75	6.80	
782	020782	Huỳnh Huy	Vũ	23/06/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.80	4.25	12.05	
783	020783	Nguyễn Phi	Vũ	22/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	9.00	8.50	24.75	

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
784	020784	Trần Ngọc	Vũ	09/07/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	4.25	2.20	6.25	12.70	
785	020785	Võ Nhất	Vũ	23/03/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.25	9.60	9.00	25.85	
786	020786	Lê Trọng	Vương	18/10/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	4.75	3.60	6.50	14.85	
787	020787	Trần Bảo	Vương	14/02/2010	Nam	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	3.40	7.50	18.65	
788	020788	Trần Văn	Vương	30/08/2010	Nam	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	2.60	6.25	14.35	
789	020789	Đỗ Thị Hạ	Vy	27/10/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	2.00	4.25	11.75	
790	020790	Đỗ Thị Trường	Vy	18/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.75	4.80	6.25	18.80	
791	020791	Huỳnh Khánh	Vy	09/02/2010	Nữ	Kinh	huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	0	0	5.75	3.40	8.25	17.40	
792	020792	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	09/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	6.50	14.95	
793	020793	Lê Nguyễn Tường	Vy	14/01/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.00	2.60	4.00	11.60	
794	020794	Lê Tường	Vy	04/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	2.80	7.00	17.80	
795	020795	Mai Nguyễn Phương	Vy	21/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	9.00	9.40	9.00	27.40	
796	020796	Ngô Nguyễn Phương	Vy	18/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.40	6.50	16.90	
797	020797	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	15/11/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.00	4.20	5.75	14.95	
798	020798	Nguyễn Phạm Phương	Vy	30/10/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.33	4.20	7.75	17.28	
799	020799	Nguyễn Phan Bảo	Vy	26/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.42	9.80	7.25	23.47	
800	020800	Nguyễn Thanh	Vy	08/06/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.25	5.40	8.25	20.90	
801	020801	Nguyễn Thị Bích	Vy	06/03/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	6.75	5.00	7.50	19.25	
802	020802	Nguyễn Thị Hòa	Vy	03/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.83	5.80	8.00	20.63	
803	020803	Nguyễn Vũ Tường	Vy	15/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.75	6.20	8.75	23.70	
804	020804	Nhữ Triệu	Vy	04/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.25	2.20	7.00	15.45	
805	020805	Phan Nguyễn Ý	Vy	14/10/2009	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	9.00	7.00	8.00	24.00	
806	020806	Trần Lục Tường	Vy	04/02/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.00	2.00	8.50	16.50	
807	020807	Trần Thị Thủy	Vy	22/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.25	3.20	4.75	14.20	
808	020808	Trần Trâm	Vy	26/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	2.80	7.75	17.55	
809	020809	Trương Đặng Gia	Vy	07/12/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	1.50	1.40	4.50	7.40	
810	020810	Võ Thị Kim	Vy	10/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.00	3.20	8.25	18.45	

STT	Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
										Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
811	020811	Ngô Thị Kim	Xuân	11/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	6.60	7.75	23.10	
812	020812	Đặng Trần Như	Ý	26/04/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	7.75	7.20	8.25	23.20	
813	020813	Hồ Hoàng Như	Ý	06/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	3.00	2.20	2.75	7.95	
814	020814	Lê Ngọc Như	Ý	14/12/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.50	3.20	5.25	13.95	
815	020815	Nguyễn Dương Như	Ý	08/04/2010	Nữ	Kinh	Tánh Linh, Bình Thuận	0	0	3.00	4.00	5.50	12.50	
816	020816	Nguyễn Huỳnh Như	Ý	15/09/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	6.00	3.00	7.25	16.25	
817	020817	Nguyễn Ngọc Như	Ý	07/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.25	3.00	6.25	14.50	
818	020818	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/10/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	0	0	7.75	7.00	8.25	23.00	
819	020819	Nguyễn Như	Ý	25/06/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	3.80	6.50	17.80	
820	020820	Nguyễn Quỳnh Như	Ý	20/09/2010	Nữ	Kinh	An Giang	0	0	5.75	4.20	6.75	16.70	
821	020821	Phan Thị Ngọc	Ý	13/11/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	2.00	6.25	15.75	
822	020822	Phan Trần Như	Ý	14/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	5.75	6.00	7.75	19.50	
823	020823	Trần Nguyễn Như	Ý	28/05/2010	Nữ	Kinh	huyện Phong Phú, tỉnh Bình Thuận	0	0	7.25	3.60	6.00	16.85	
824	020824	Trần Tây Như	Ý	09/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	4.00	5.25	15.00	
825	020825	Trịnh Ngọc	Ý	04/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	7.50	4.60	8.50	20.60	
826	020826	Văn Võ Hoàng Như	Ý	03/08/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.25	4.20	8.25	20.70	
827	020827	Võ Ngọc Như	Ý	18/04/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	3.60	7.50	19.10	
828	020828	Phạm Thị Ngọc	Yên	19/01/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	8.00	7.60	8.50	24.10	
829	020829	Trần Ngọc	Yên	17/09/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.75	8.00	8.25	25.00	
830	020830	Diệp Kim Hải	Yến	13/01/2010	Nữ	Kinh	Phan Thiết, Bình Thuận	0	0	5.75	3.20	4.00	12.95	
831	020831	Nguyễn Hữu Hoàng	Yến	19/09/2010	Nữ	Kinh	LaGi, Bình Thuận	0	0	7.25	7.20	8.25	22.70	
832	020832	Nguyễn Thị Kim	Yến	28/07/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	8.00	6.40	7.50	21.90	
833	020833	Phan Ngọc Kim	Yến	01/12/2010	Nữ	Kinh	Bắc Bình, Bình Thuận	0	0	5.75	3.40	7.25	16.40	
834	020834	Trương Thị Ngọc	Yến	05/05/2010	Nữ	Kinh	Tuy Phong, Bình Thuận	0	0	6.75	4.00	6.75	17.50	

Danh sách này có **834** thí sinh.

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng coi thi: THPT Hòa Đa

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Bình Thuận, ngày 17 tháng 06 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Văn Thạch